



mò fáng

磨坊

noun · mill; gristmill

Example Sentences

Cūn lǐ yǒu yí zuò lǎo mò fáng
村里有一座老磨坊。

There is an old mill in the village.

Mò fáng gōng rén bǎ xiǎo mài mó chéng miàn fěn
磨坊工人把小麦磨成面粉。

The mill worker grinds wheat into flour.

Zhè zuò shuǐ mò fáng yǐ jīng yǒu yì bǎi duō nián de lì shǐ le
这座水磨坊已经有一百多年的历史了。

This water mill has a history of over a hundred years.

Trace each character, then write the word on your own.

磨	磨	磨	磨	磨	磨	磨	磨	磨	磨	磨
磨	磨	磨	磨	磨	磨	磨	磨			
坊	坊	坊	坊	坊	坊	坊	坊	坊	坊	